

Bản án: 09/2025/HS-ST

Ngày: 20-02-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Anh Khoa**

Thẩm phán: Bà **Huỳnh Thị Xuân Oanh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Xuân Hà**

Bà **Huỳnh Thị Quỳnh Anh**

Ông **Võ Bình Tân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Trương Ngọc Thiện** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Nam Hải** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 136/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Anh Ph, sinh năm 1973 tại Khánh Hòa. Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 15, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở: Tổ dân phố 15, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn H, sinh năm 1945 và bà Phan Thị Ngọc Á (đã chết); có vợ là Phan Thị T, sinh năm 1978 và có 02 con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/6/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Trần Văn M** - Luật sư Văn phòng Luật sư Trần Văn M, Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ: 112 T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bị hại: Bà Lê Thị Minh P, sinh năm 1966; nơi cư trú: 1157 đường 2/4, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1978; nơi thường trú: Tổ dân phố 15, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: 19 Lê Thị Kinh, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông **Nguyễn H**, sinh năm 1942; nơi cư trú: Tổ dân phố 15, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

2. Bà **Văn Thị Thu Y**, sinh năm 1963; nơi cư trú: Đội 06, thôn S, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

3. Ông **Nguyễn K**, sinh năm 1933 và bà **Võ Thị T**, sinh năm 1932; nơi cư trú: Thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

4. Ông **Nguyễn M**, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

5. Bà **Ngô Thị T**, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

6. Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

7. Ông **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1947; nơi cư trú: Ấp Phước Lợi, xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

8. Bà **Phạm Thị Thủy**, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp P, xã Ô L, huyện T, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Anh Ph và bà Lê Thị Minh P có quan hệ quen biết thân thiết thông qua làm ăn mua bán điện thoại với nhau từ năm 2006.

Từ khoảng tháng 07/2018, do cá độ bóng đá và làm ăn thua lỗ nên Nguyễn Anh Ph nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà P với cách thức và thủ đoạn như sau: Ph nói dối bà P là cần tiền để làm dịch vụ đảo hạn ngân hàng, bổ sung vốn làm ăn kinh doanh để vay bà P số tiền 1.600.000.000 đồng (trong đó vay làm dịch vụ đảo hạn ngân hàng số tiền 1.000.000.000 đồng; bổ sung vốn làm ăn kinh doanh số tiền 600.000.000 đồng); rủ bà P góp số tiền 1.290.000.000 đồng mua đất chung tại thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa để phân lô bán và chia lợi nhuận cùng nhau.

Để bà P tin tưởng, P làm giả 01 “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” có nội dung: Ông Nguyễn K, bà Võ Thị T chuyển nhượng cho Nguyễn Anh Ph thửa đất số 50, 51, 55, 27, 318, 52; tờ bản đồ số 43, 44, 72 với tổng diện tích 12.889 m² tại thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Khi bà P ra N, Ph không có nhà nên liên lạc điện thoại cho Phạm Thị T (vợ Ph) đang ở nhà lấy “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” nêu trên cho bà P xem nên Bà P đã sử

dụng điện thoại cá nhân chụp lại “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”. Ngoài ra T còn đưa 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản photocopy) tại xã N và xã N thuộc thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (của khách hàng đến thế chấp vay tiền Ph) cho bà P giữ làm tin. Tin lời Ph nói là thật, bà P đã nhiều lần đưa tiền mặt và chuyển khoản cho Nguyễn Anh Ph tổng cộng số tiền 2.890.000.000 đồng (trong đó chuyển qua tài khoản 2.127.700.000 đồng, còn lại đưa tiền mặt 762.300.000 đồng).

Sau khi chiếm đoạt của bà P số tiền 2.890.000.000 đồng, Ph sử dụng vào mục đích cá độ bóng đá và trả nợ rồi cùng gia đình bỏ đi khỏi địa phương về quê vợ tại huyện T, tỉnh An Giang. Đến tháng 07/2019, bà P tìm đến gặp thì Ph vẫn nói dối rằng tiền của bà P đã dùng vào việc mua đất tại xã N và xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, đồng thời Ph viết “Giấy cam kết phương án trả nợ” nói trên và cam kết trong vòng 60 ngày sẽ bán các thửa đất này trả lại tiền cho bà P, nếu không bán được sẽ chuyển nhượng toàn bộ lại cho bà P nhưng trên thực tế các thửa đất được ghi trong “Giấy cam kết phương án trả nợ” là của 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà khách hàng đến thế chấp vay tiền của vợ chồng Ph (không thuộc quyền sở hữu của Ph). Sau đó, Ph và gia đình tiếp bỏ đi sinh sống tại nhiều địa phương như Phú Quốc, Kiên Giang và Thành phố Hồ Chí Minh để trốn tránh.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân thị xã N, lấy lời khai của ông Nguyễn K và bà Võ Thị T xác định mảnh đất 12.889m² thuộc thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa là của ông Nguyễn K và bà Võ Thị T. Ông K, bà T chưa bao giờ chuyển nhượng cho Ph.

Tại bản Kết luận giám định số 1209 ngày 02/11/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận: Không phát hiện có dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa trong sáu (06) File Image gửi giám định, kèm theo phụ lục số 1209 trích xuất sáu (06) File image (trong đó có ảnh “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”).

Tại Kết luận giám định số: 526 ngày 15/11/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận: Chữ viết qua sao chụp tài liệu “HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT” mang tên “Nguyễn K”, “Võ Thị T” dưới mục “Bên A” (Bên chuyển nhượng) là của Nguyễn Anh Ph.

Việc thu giữ tài liệu, đồ vật, kèm theo hồ sơ vụ án, gồm có: 01 “Giấy cam kết phương án trả nợ” đề ngày 09/7/2019; 01 Bản photocopy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Nguyễn K, Võ Thị T và Nguyễn Anh Ph; 01 Bản photocopy “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” đứng tên hộ ông Nguyễn K và bà Võ Thị T; 01 Bản photocopy “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất” đứng tên hộ ông Nguyễn K và bà Võ Thị T; 01 Bản photocopy “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” đứng tên hộ ông Phạm X và bà Văn Thị Thu Y; 01 USB lưu trữ hình ảnh “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” đứng tên hộ ông Nguyễn K và bà Võ Thị T và “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa Nguyễn K, Võ Thị T và Nguyễn Anh Ph.

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường, khắc phục cho bị hại Lê Thị Minh P số tiền 211.600.000 đồng.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Anh Ph. Sau khi phân tích các tình tiết về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết về nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị tuyên phạt Nguyễn Anh Ph mức án từ 12 năm đến 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về bồi thường dân sự, Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị hại bà Lê Thị Minh P và bị cáo Nguyễn Anh Ph về việc bị cáo phải bồi thường cho bà Lê Thị Minh P số tiền 1.370.000.000 (một tỷ ba trăm bảy mươi triệu) đồng.

- Luật sư Trần Văn M bào chữa cho bị cáo: Đồng ý với quan điểm luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Sự việc xảy ra cũng một phần lỗi do sự chủ quan của bị hại, tuy nhiên tại phiên tòa thì bị hại cũng mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, luật sư M đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét áp dụng điểm b, s Điều 51, Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về phần dân sự, tôi đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

- Bị hại bà Lê Thị Minh P tranh luận: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo cải tạo trở thành người lương thiện. Về bồi thường thiệt hại, tôi tự nguyện cho bị cáo ½ số tiền, chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường Lê Thị Minh P 1.370.000.000 đồng.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Anh Ph xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, những người làm chứng vắng mặt, xét thấy họ có đã có lời khai trong hồ sơ, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Ph đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại và các tài liệu, chứng cứ do

cơ quan điều tra thu thập chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó có đủ cơ sở kết luận:

Mặc dù ông Nguyễn K và bà Võ Thị T chưa bao giờ chuyển nhượng cho Ph mảnh đất 12.889 m² thuộc thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nhưng Ph làm giả 01 “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” có nội dung: Ông Nguyễn K, bà Võ Thị T chuyển nhượng cho Nguyễn Anh Ph thửa đất số 50, 51, 55, 27, 318, 52; tờ bản đồ số 43, 44, 72 với tổng diện tích 12.889m² tại thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa để tạo lòng tin cho bà Lê Thị Minh P. Ngoài ra T còn đưa 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản photocopy) tại xã N và xã NA thuộc thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (của khách hàng đến thế chấp vay tiền Ph) cho bà P giữ làm tin. Tin lời Ph nói là thật, bà P đã nhiều lần đưa tiền mặt với số tiền 762.300.000 đồng và chuyển khoản cho Nguyễn Anh Ph 2.127.700.000 đồng, tổng cộng số tiền mà Ph chiếm đoạt của bà P là 2.890.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được số tiền nêu trên, Ph gia đình bỏ đi sinh sống tại nhiều địa phương như Phú Quốc, Kiên Giang và Thành phố Hồ Chí Minh để trốn tránh.

Bản cáo trạng số 80/CT/KSĐT-P1 ngày 29/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Anh Ph về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Anh Ph là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của công dân, gây mất trật tự, trị an, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Thủ đoạn phạm tội rất tinh vi, bị cáo phạm tội 02 lần trở lên. Bị cáo chiếm đoạt tiền của bà P để tiêu xài cá nhân đến nay chỉ mới bồi thường cho bị hại 211.600.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử phạt bằng một mức án nghiêm minh, tương xứng với tính chất mức độ phạm tội mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại phiên tòa bị cáo đã nhận thấy sai phạm, thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải, đã bồi thường 211.600.000 đồng cho bị hại. Đối với bị cáo được áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS khi xem xét quyết định hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị hại và bị cáo về việc bị cáo Nguyễn Anh Ph phải bồi thường cho bà Lê Thị Minh P số tiền 1.370.000.000 (một tỷ ba trăm bảy mươi triệu) đồng. Bà Lê Thị Minh P được nhận số tiền 50.000.000 đồng mà bà Phạm Thị T (vợ bị cáo) đã nộp vào tài khoản số 39.49.0.9042403.00000 của Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp theo phiếu tiền số 081123.0002.000037 ngày 08/11/2023 của ngân hàng Vietcombank, trừ vào số tiền 1.370.000.000 đồng, như vậy, bị cáo Nguyễn Anh Ph còn phải tiếp tục bồi thường cho bà Lê Thị Minh P số tiền 1.320.000.000 (một tỷ ba trăm hai mươi triệu) đồng.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Anh Ph phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1,2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1/ Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh Ph 13 (mười ba) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2023.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị hại bà Lê Thị Minh P và bị cáo Nguyễn Anh Ph về việc bị cáo phải bồi thường cho bà Lê Thị Minh P 1.370.000.000 (một tỷ ba trăm bảy mươi triệu) đồng. Bà Lê Thị Minh P được nhận số tiền 50.000.000 đồng theo phiếu nộp tiền số 081123.0002.000037 ngày 08/11/2023 của ngân hàng Vietcombank và tài khoản số 39.49.0.9042403.00000 của Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, bị cáo Nguyễn Anh Ph còn phải tiếp tục bồi thường cho bà Lê Thị Minh P số tiền 1.320.000.000 (một tỷ ba trăm hai mươi triệu) đồng.

Quy định: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo Nguyễn Anh Ph chậm thực hiện nghĩa vụ về bồi thường thiệt hại thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền dân sự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Anh Ph phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn đồng) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 51.600.000 (năm mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Bị cáo Nguyễn Anh Ph, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TANDTC;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ, Công an tỉnh Khánh Hòa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

- Trại tạm giam, Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn; Văn phòng.

Trần Anh Khoa